

## VÙNG BIÊN ẢO - VÙNG THẨM MỸ ĐẶC SẮC TRONG HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT CỦA MA VĂN KHÁNG

Đào Thuỷ Nguyên (*Trường ĐH Sư phạm - ĐH Thái Nguyên*)

Những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX, người đọc yêu văn chương bắt đầu làm quen với một cái tên mang đậm dấu ấn miền núi trong sáng tạo nghệ thuật: Ma Văn Kháng. Từ đó đến nay đã gần nửa thế kỷ trôi qua, cái tên ấy ngày càng gắn bó và đã trở nên thân thiết với bao thế hệ bạn đọc bởi những khám phá đầy bất ngờ về con người và cuộc sống của một ngòi bút văn chương bản lĩnh và tài năng.

Ma Văn Kháng là bút danh của Đinh Trọng Đoàn- nhà văn gốc người Hà Nội. Năm 1955, theo tiếng gọi của Tổ quốc, chàng trai đất Hà Thành xung phong lên Lào Cai dạy học. Lào Cai – “miền đất vàng” lập tức cuốn hút người thầy giáo trẻ vào mối tình đầu trong sáng và mãnh liệt. Những trang văn lần lượt ra đời từ mảnh đất này sau những chuyến thâm nhập thực tế dài ngày của Đinh Trọng Đoàn đến những vùng xa xôi của mảnh đất miền cực Tây Tổ quốc. Cái tên Ma Văn Kháng là kết quả, cũng là biểu hiện của tình yêu và sự gắn bó giữa chàng trai Hà Thành với đất và người miền biên viễn.

Một số nhà nghiên cứu đã nói đến sức hấp dẫn của đề tài miền núi đối với ngòi bút Ma Văn Kháng, nhưng còn thiếu một cái nhìn xuyên suốt và tổng thể về giá trị của vùng thẩm mỹ đặc biệt này trong hành trình sáng tạo nghệ thuật của nhà văn. Bài viết của chúng tôi cố gắng khắc phục điều đó và hướng tới khẳng định vẻ đẹp văn chương, khẳng định sức sống của ngòi bút Ma Văn Kháng suốt chặng đường nửa thế kỷ qua trong sự gắn bó với một *vùng thẩm mỹ* nghệ thuật cứ trở đi trở lại trong sáng tác của ông - Vùng biên ảo.

Khái niệm *vùng thẩm mỹ* chúng tôi sử dụng ở đây là dựa theo quan niệm của Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh ( in trong cuốn *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995). Đó là khái niệm dùng để chỉ một phạm vi đời sống có sức cuốn hút đặc biệt đối với nhà văn, để từ đó anh ta tạo nên một thế giới nghệ thuật riêng có của mình. Với Ma Văn Kháng, vùng biên ảo là điểm đến, là nơi về, là đấng đặc mối tơ vương góp phần quan trọng hình thành nên ở nhà văn một phong cách riêng với những tư tưởng nghệ thuật độc đáo .

Khởi thủy là nhà giáo, người cán bộ rồi mới đến với nghề văn, Ma Văn Kháng xem đó như “một ngẫu nhiên có tính định mệnh”. Mảnh đất lạ miền Tây với vẻ đẹp nguyên sơ, bí ẩn cuốn hút Ma Văn Kháng vào nghiệp văn chương một cách tự nhiên. Ông viết báo, viết văn như một nhu cầu tự thân, như một khát khao hối thúc.

**Phố Cụt** - truyện ngắn đầu tay trình làng năm 1961 - cùng với một loạt truyện ngắn Ma Văn Kháng viết sau đó như: **Người thợ đường dây**, **Những người hàng xóm**, **Những người coi miếu thổ ty**, **Những ngày đầu**... là những câu chuyện giản dị về những con người chất phác sống ở cái thị xã nhỏ bé và heo hút thời đó. Những trang viết vào nghề còn có cái sơ lược và thơ đại của buổi ban đầu bén duyên nghệ thuật, nhưng đó là tất cả niềm say mê của tuổi thanh niên dâng hiến trong tình yêu thương gắn bó với người và đất Lào Cai. Người đọc đã có thể thấy ở đó những dáng nét ban đầu của một phong cách văn xuôi nặng lòng với con người và cuộc sống. Đó

là khả năng quan sát, trí tưởng tượng sáng tạo, chất trữ tình đậm thấm hoà quyện với chất hiện thực phong phú... Đó là khởi nguồn cho những trang viết sâu sắc, đậm đà ý vị triết lý nhân sinh của Ma Văn Kháng sau này.

Năm 1965, Ma Văn Kháng chuyển sang làm cán bộ văn phòng Tỉnh uỷ Lào Cai. Năm 1968, ông chuyển sang làm phóng viên báo Tỉnh. Môi trường công tác mới cho Ma Văn Kháng những hiểu biết rộng hơn, sâu thêm về cuộc đời và con người. Các truyện ngắn của Ma Văn Kháng ra đời ngay sau đó in trong các tập **Xa Phủ** (1969), **Mùa mận hậu** (1972), **Người con trai họ Hạng** (1972), **Cái móng ngựa** (1973), **Bài ca trăng sáng** (1974) dần mất đi cái đơn giản trong cốt truyện, cái hạn hẹp trong phạm vi phản ánh hiện thực... và mở dần ra những vấn đề nóng hổi của cuộc sống miền biên ải. Cũng như văn học Việt Nam thời chiến tranh, truyện ngắn của Ma Văn Kháng về miền núi thời kỳ này còn thiếu một cái nhìn toàn diện về con người và cuộc sống. Do yêu cầu lịch sử, chúng ta phải chấp nhận tạm thời quên đi những buồn vui đời thường của những con người bé nhỏ để hướng tới những vấn đề sống còn của cả dân tộc. Con người trong văn học, vì thế, chủ yếu được nhìn trên bình diện giai cấp với tiêu chí đánh giá là lợi ích cộng đồng. Nhân vật chính diện thường được nâng cao hơn, trở thành đại diện cho vẻ đẹp lý tưởng của dân tộc. Xu hướng ấy khiến Ma Văn Kháng thường chú trọng xây dựng nhân vật là những "con người mới" trên mặt trận lao động sản xuất và chiến đấu và chú ý phát hiện những tình cảm lớn ở họ: tình yêu quê hương xứ sở, niềm say mê lý tưởng và ý thức đấu tranh chống lại những tập tục lạc hậu cũ kỹ, những thế lực phản động suy đồi, những suy nghĩ bảo thủ của chính mình để xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn. Những tình cảm riêng tư của nhân vật như tình yêu lứa đôi cũng được nhìn trong cái nhìn giản đơn, công thức của văn học một thời. Do nhà văn hướng về những vấn đề chung nên nhân vật của ông thường được khai thác nghiêng về một phía, quá trình chuyển biến của nhân vật chưa được miêu tả trong một quá trình hợp lý như nó vốn có. Con đường tiến về phía trước của các nhân vật, xem ra, có phần dễ dàng, ít có những trở trở dằn vặt riêng tư. Những nhân vật phản diện, những thế lực cản trở con người đi lên không có cái phức tạp, khó khăn như trong hiện thực đời sống.

Những nỗ lực vươn lên của Ma Văn Kháng trong những truyện ngắn viết thời kỳ này đã được khẳng định qua giải thưởng dành cho **Xa Phủ** - truyện ngắn đoạt giải nhì (không có giải nhất) cuộc thi truyện ngắn 1967 - 1968 của Báo Văn nghệ. Tuy nhiên, sau này khi có dịp "tổng kiểm kê" lại toàn bộ tài sản tinh thần của mình, Ma Văn Kháng đã khiêm tốn nhận xét: Những tác phẩm thời kỳ đó chỉ "*là tập dượt, nghiêm khắc mà nói thì có thể coi như thải loại, không cần kể, non nớt, ngây ngô, lảm lẩn, kém cỏi*" [4]. Thực ra, hạn chế của Ma Văn Kháng cũng là hạn chế của văn chương nghệ thuật một thời kỳ.

Nhưng Ma Văn Kháng không dừng ở những truyện ngắn. Cái đích hướng tới của nhà văn là tiểu thuyết. Ngay trong lúc "tập rèn" ở thể loại tự sự cỡ nhỏ, Ma Văn Kháng đã "*ngắm ngòm chuẩn bị cho một cuộc thử sức lớn lao hơn, tức mon men dấn thân vào thể loại tiểu thuyết*" [5] bởi bằng sự nhạy cảm nghề nghiệp ông sớm nhận ra ở mảnh đất miền Tây này "bóng dáng của một thiên sử thi hoành tráng".

Rời miền Tây năm 1976, cái quý nhất trong hành trang "xuống núi" của Ma Văn Kháng là một vốn sống trực tiếp phong phú về "miền đất vàng" – nơi ông đã gửi lại cả một thời trai trẻ –

cùng với những “ cơn mộng mơ thú vị và điên rồ” (như lời tâm sự của ông) để rồi không lâu sau, “giấc mơ kỳ vĩ” ấy đã thăng hoa thành những sáng tạo nghệ thuật đặc sắc. Những cuốn tiểu thuyết mà chỉ nghe cái tên thôi đã thấy những ám ảnh không rời của nhà văn về một miền đất, về cuộc sống và những con người thân thương nơi ấy: **Gió rừng** (1976), **Đồng bạc trắng hoa xoè** (1978), **Trăng non** (1982), **Vùng biên ải** (1983).

**Gió rừng** và **Trăng non** gọi là tiểu thuyết nhưng bóng dáng và đường nét còn mờ nhạt. Sau này nhà văn chỉ xem chúng như những “tiểu phẩm tập dượt” để tìm đường đi vào tiểu thuyết” mà thôi. **Đồng bạc trắng hoa xoè**, **Vùng biên ải**, **Gặp gỡ ở La Pan Tản** đặt nối tiếp bên nhau tạo thành chùm tiểu thuyết đặc sắc về đề tài dân tộc và miền núi. Nó không chỉ đánh dấu sự trưởng thành của ngòi bút Ma Văn Kháng mà còn khẳng định thành tựu chung của văn học Việt Nam hiện đại viết về một đề tài còn chưa được chú ý nhiều.

Bộ ba tiểu thuyết cuốn hút người đọc đến với mảnh đất địa đầu Tổ quốc trong khoảng thời gian đầy biến động của lịch sử - xã hội gần nửa thế kỷ vừa chiến đấu chống giặc ngoại xâm vừa dựng xây đất nước trong hoà bình. *"Trên một ý nghĩa nhất định, có thể xem bộ ba tiểu thuyết này là một cuốn biên niên sử bằng hình tượng nghệ thuật, một phần của cuốn sách giáo khoa về đời sống và con người miền núi Tây bắc"*[9]. Sự đánh giá này là thoả đáng và phần nào giải thích được lý do vì sao hai trong ba tác phẩm của chùm tiểu thuyết này đã nhận được nhiều giải thưởng lớn (**Đồng bạc trắng hoa xoè** nằm trong cụm ba tác phẩm văn xuôi của Ma Văn Kháng được nhận Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật, tác phẩm này cũng nhận được Giải thưởng đặc biệt của Hội văn học - nghệ thuật Lào Cai năm 2002; **Gặp gỡ ở La Pan Tản** được nhận Giải thưởng chính thức của Hội văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2001).

Trình làng những cuốn tiểu thuyết trường thiên "nặng tay" viết về miền núi, Ma Văn Kháng đã khiến người đọc vô cùng kinh ngạc về vốn hiểu biết dồi dào và khả năng khám phá sâu sắc các vấn đề của đời sống và con người miền biên viễn. Nhưng sự kinh ngạc càng được đẩy cao hơn khi, "xuống núi" chưa đầy chục năm, cùng lúc với **Đồng bạc trắng hoa xoè**, **Vùng biên ải** "nhà văn miền núi" còn chứng tỏ sức viết và khả năng tiếp cận hiện thực bằng một loạt tiểu thuyết viết về miền xuôi: **Mưa mùa hạ** (1982), **Mùa lá rụng trong vườn** (1985), **Đám cưới không có giấy giá thú** (1989). Ở những trang viết này, Ma Văn Kháng hiện diện với một gương mặt mới, một cách nhìn, cách biểu hiện mới làm sôi nổi đời sống văn học dân tộc lúc bấy giờ, gây nên những cuộc tranh luận nhiều chiều từ phía độc giả.

Trở về Hà Nội đúng vào những năm tháng đất nước đang có nhiều chuyển biến quan trọng, điều này vừa là thuận lợi lại vừa là khó khăn với Ma Văn Kháng. Hà Nội là quê hương, Hà Nội có sẵn trong máu thịt và trong tiềm thức, điều đó thuận lợi cho việc "trở về". Nhưng 20 có lẽ của cả một thời hoa niên gắn bó với miền núi lại gây trở ngại không nhỏ cho việc hoà nhập với con người và cuộc sống miền xuôi. Vậy mà, Ma Văn Kháng đã làm một cuộc trở về ngoạn mục. Từ một cây bút chuyên viết về đề tài miền núi với một phong cách ít nhiều mang tính chất sử thi, giờ đây Ma Văn Kháng hướng ngòi bút vào những vấn đề nóng bỏng của đời sống thực tại với bút pháp ngày càng đậm đà tính chất triết luận, suy ngẫm, phân tích, biện giải. Có thể đánh dấu bước chuyển biến này bắt đầu từ tiểu thuyết **Mưa mùa hạ** (1982), phát triển nhuần nhuyễn hơn ở **Mùa lá rụng trong vườn** (1985) và tập trung đậm đặc ở **Đám cưới không có giấy giá thú** (1989).

Cùng với sự thai nghén những cuốn tác phẩm dài hơi, Ma Văn Kháng vẫn không ngừng xuất hiện trên văn đàn với những tập truyện ngắn nhỏ xinh nhưng dung lượng hiện thực mà chúng bao chứa thì thật lớn. Đó là các tập: **Ngày đẹp trời** (1986), **Vệ sĩ của quan châu** (1988), **Trái chín mùa thu**(1988), **Heo may gió lộng** ( 1992), **Trăng soi sân nhỏ** (1995), **Ngoại thành** (1996), **Vòng quay cổ điển** (1997), **Đám sen** (1997), **Một chiều giông gió** (1998), **Một mối tình si** (2000)... Truyện ngắn của Ma Văn Kháng những năm này chủ yếu hướng vào mảng đời sống thị thành thời hiện tại với nhiều mâu thuẫn, biến cố, cảnh ngộ tiêu biểu của một thời kỳ chuyển động đầy cam go và phức tạp .

Thế nhưng, có một điều đáng lưu ý là: Trong khi Ma Văn Kháng bị cuốn vào vòng xoáy của đời sống thị thành thì người đọc vẫn thấy thấp thoáng trên trang viết của ông hình ảnh con người và cuộc sống miền biên ải. Chúng hiện ra trong các truyện ngắn của ông in lẻ tẻ trên báo và tạp chí hoặc in xen kẽ trong các tập truyện. Chúng có mặt trong cuốn tiểu thuyết **Ngược dòng nước lũ** ra mắt người đọc vào năm cuối của thế kỷ XX. Tác phẩm là sự tổng hợp và kết tinh vốn sống của Ma Văn Kháng ở cả 2 miền: miền xuôi và miền ngược. Đan cài trong câu chuyện về đời sống thị thành là những con người, những cảnh đời, những khung cảnh thiên nhiên đầy sinh sắc và đậm đà khí vị miền núi.

Từ sau 1975, Ma Văn Kháng đã in khá nhiều truyện ngắn viết về miền núi. Năm 2003 nhà văn tuyển chọn những truyện ngắn xuất sắc viết về đề tài này in lại trong tập **Móng vượt thời gian**. Ở đây, đã không còn nữa cái nhìn con người trong thế bỏ đời, phân cực với cảm hứng khẳng định ngợi ca một chiều. Con người được miêu tả trong thế đan cài cả xấu - tốt, trắng - đen, hay - dở với cái nhìn giàu tính phân tích, suy nghiệm để có thể khám phá cái con người đích thực ở tận "chiều sâu bản thể" của nó. 19 truyện ngắn trong tập truyện mang đến cho người đọc những nỗi niềm buồn vui trần trở, những giằng mắc tơ vương có lúc nghẹn ngào vò xé tâm can, lại có lúc sung sướng hả hê như vừa được "thoát hiểm" trong gang tấc. Những phận người, những cảnh đời gần - xa, hư - thực được đặt trong một trường nhìn vừa khách quan tỉnh táo vừa huyền ảo say mê đã thật sự lôi cuốn người đọc. Thông qua một lối văn trần thuật linh hoạt với "*sự vận dụng ngôn ngữ và cách viết sao cho có được màu sắc bản địa mà vẫn không xa cách với lối biểu đạt hiện tại*"[6] một khả năng "*khám phá tinh tế , sâu sắc về tâm lý con người ở một địa vực bị cắt xẻ và trong những tầng văn hoá riêng*"[6] cùng với những khái quát, triết luận sâu sắc về các vấn đề đời sống và con người miền núi, Ma Văn Kháng đã đem đến cho người đọc những hiểu biết thú vị về những "*yếu tố khác lạ trong khung cảnh thiên nhiên, trong tập quán, lối sống của các cộng đồng người và cá thể ở một vùng đất xa cách*" [6] và khiến người đọc ngỡ ngàng say mê trước cái vẻ đẹp "*hồn nhiên chất phác chưa vong thân của đời sống*" miền núi.

Thành tựu của truyện ngắn Ma Văn Kháng viết về đề tài miền núi từ sau 1975 được kết tinh lại ở **San Cha Chải** - truyện ngắn giành giải Cây bút vàng trong cuộc thi truyện ngắn năm 1999 do Bộ Công an phối hợp với Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức.

Nhìn lại đề tài miền núi trong toàn bộ văn nghiệp của Ma Văn Kháng có thể nhận thấy: Trong hành trình sáng tạo nghệ thuật của nhà văn này, cuộc sống và con người miền núi vừa khơi nguồn "những xúc động thẩm mỹ đầu tiên" vừa duy trì mạch cảm xúc lâu bền để suốt nửa thế kỷ trôi


qua, dù có nhiều biến chuyển trong đời sống, dù bị chi phối bởi một khu vực đề tài khác nhưng miền biên ải vẫn là và sẽ là một vùng thẩm mỹ nghệ thuật đặc sắc của đời văn Ma Văn Kháng.

Tình yêu với con người và cuộc sống miền núi của Ma Văn Kháng được nhen nhóm từ những trang văn của Nam Cao, Tô Hoài miêu tả những cảnh vật thiên nhiên kỳ thú, những con người và cuộc sống miền núi nhiều màu sắc, đường nét riêng biệt và vô cùng hấp dẫn. Từ tình yêu ban đầu ấy, khi có dịp tiếp xúc với miền núi, Ma Văn Kháng có một sự vô vấp và chủ động để hiểu, và càng hiểu thì càng yêu, càng yêu càng gắn bó. Từ đời sống đến văn chương là một quá trình hoà nhập rồi hoá thân của Ma Văn Kháng. Hoá thân để biến chất liệu đời sống thành máu thịt, thành tư tưởng tình cảm của mình, rồi từ đó biến chúng thành những trang viết ngôn ngôn chất sống miền núi. Thực tế đời sống đi vào trang viết của Ma Văn Kháng như một mối "duyên kỳ ngộ" bởi cái ngây ngất của những cảm nghĩ mới lạ thôi thúc và giục giã. Nói về điều này, Ma Văn Kháng tâm sự: "*Rất nhiều con người mà tôi đã gặp gỡ, mỗi người một vẻ, lưu lại trong óc tôi những hình ảnh không phai mờ như một kỷ niệm sâu xa và đòi hỏi phải ghi lại.*"[4]. Tình yêu với đất và người miền núi theo năm tháng cứ lớn dần lên và trở thành một ám ảnh không rời với Ma Văn Kháng. Ông đã viết về nó bằng một trái tim yêu thương chân thành. Hết tác phẩm này lại tác phẩm khác ra đời tạo thành một vệt dài và đậm trong hành trình sáng tạo nghệ thuật của Ma Văn Kháng.

Khi Ma Văn Kháng rời miền núi về miền xuôi, những tưởng tình yêu kia sẽ phai nhoà theo năm tháng. Nhưng không, vẫn còn đó một tình yêu thuỷ chung không phai nhạt, bởi kỷ niệm không mất đi, kỷ niệm đọng lại "*thành dấu vết tinh thần biểu hiện dưới dạng kinh nghiệm sống hoặc hình ảnh, chúng âm thầm tồn tại ngoài ý muốn, gặp cảm hứng và hoàn cảnh là tự nhiên bật trở dậy tự tìm lấy câu chữ biểu hiện ra*" [7]. Điều đó giải thích vì sao suốt 30 năm sau khi "xuống núi" dù bận rộn với công việc sự vụ và bị cuốn hút vào những vấn đề bức xúc của đời sống thị thành, nhưng Ma Văn Kháng vẫn không thôi day trở về những vấn đề của con người và cuộc sống miền núi.

Từ những truyện ngắn viết về miền núi của Ma Văn Kháng thời kỳ đầu đến những truyện ngắn của ông về đề tài này ở thời kỳ sau đã có một sự chuyển biến rõ nét trong tư duy nghệ thuật. Từ cái nhìn "*đơn giản, ấu trĩ, nông cạn, hời hợt, dễ dãi*"[8] về con người và cuộc sống đến cái nhìn đa chiều, đa diện nhằm khám phá các vấn đề xã hội miền núi ở tầng sâu nhân bản của nó là cả một quá trình phấn đấu tự vượt mình của nhà văn Ma Văn Kháng.

Có được nhiều thành tựu ở mảng sáng tác này, bên cạnh tài năng và bản lĩnh nghệ sĩ, còn bởi Ma Văn Kháng có một quan niệm đúng đắn khi viết về miền núi. Theo ông: Miền núi (nói chung), Lào Cai - nơi Ma Văn Kháng từng sống và làm việc (nói riêng) cần được khám phá trong một cái nhìn vừa mang tính chung sinh động của đời sống dân tộc, đất nước vừa mang tính riêng với những đặc trưng vùng miền không thể trộn lẫn, không thể xoá nhoà. Ở vùng biên ải - mảnh đất địa đầu Tổ quốc này - "*cái quy luật chung được tồn tại trong cái riêng biệt cụ thể, độc đáo và cái riêng biệt ấy có nguồn gốc rất sâu xa tự trong lịch sử, địa dư và nền văn hoá dân tộc Lào Cai - một tỉnh có hơn 20 dân tộc anh em sinh sống.*"[4]. Nói là chung vì miền núi cũng là Việt Nam, người miền núi cũng là con dân đất nước này, cũng nằm trong cộng đồng 54 dân tộc anh em sống trên dải đất hình chữ S, cùng đau nỗi đau loạn lạc bởi đời sống chiến tranh, cùng vui niềm vui được đổi đời nhờ cách mạng, cùng yêu chuộng hoà bình và thiết tha hướng về một

tương lai tươi sáng nên cần cù và anh dũng trong lao động sản xuất. Nhưng do đặc thù về tự nhiên, người dân miền núi sống thưa thớt trong những địa vực bị cắt xẻ, đời sống của họ "gắn chặt với một trình độ văn hoá, một giới hạn văn minh" bởi sự chi phối của một nền tảng văn hoá riêng. Vì vậy, viết về miền núi không thể không chú ý đến yếu tố lạ: Cái lạ trong khung cảnh thiên nhiên, trong phong tục tập quán, trong trang phục, ngôn ngữ, trong cách cảm cách nghĩ, cách hành xử... Quan niệm như thế, nên khi viết về miền biên ải, một mặt Ma Văn Kháng chú ý đến nét riêng của miền núi, của từng dân tộc, nhưng cố gắng để không sa vào việc khai thác những điều lạ mắt lạ tai kêu gọi tính tò mò của người đọc; mặt khác, ông chú ý "phản ánh cái hiện thực lớn lao của đất nước qua một khung cảnh, một nhân vật có những nét riêng biệt không trộn lẫn mà vẫn quen thuộc được thừa nhận"[4]. Ý thức đó tạo cho những trang viết của Ma Văn Kháng về miền núi vừa có được sức hấp dẫn của những chi tiết, tình tiết mới lạ vừa có sức nặng ám ảnh của những suy tư, chiêm nghiệm, triết lý về những vấn đề riêng của đời sống miền núi trong những vấn đề chung của đời sống dân tộc, đất nước. Đó chính là yếu tố làm nên thành công của Ma Văn Kháng trong mảng sáng tác về đề tài miền núi 

### Tóm tắt

#### Vùng biên ải - Vùng thẩm mỹ đặc sắc trong hành trình sáng tạo nghệ thuật của Ma Văn Kháng

Ma Văn Kháng là cây bút tiêu biểu của nền văn học Việt Nam hiện - đương đại. Đề tài miền núi chiếm vị trí quan trọng trong hành trình sáng tạo nghệ thuật của nhà văn. Một thế giới nghệ thuật riêng, sinh động và hấp dẫn đã được tạo nên từ những trang viết về vùng biên ải- vùng thẩm mỹ đặc sắc của Ma Văn Kháng. Nhà văn gốc người Hà Nội ấy xứng đáng với tên gọi thân thương mà đồng bào các dân tộc miền biên ải dành tặng: "Nhà văn của miền núi".

### Summary

#### Border area - the special topic in the creation of art of Ma Van Khang

Ma Van Khang is a typical representative of the modern Vietnamese Literature. The topic on mountainous area holds an important part in his writing career. Through his works on the border area, the world of art full of life and energy is created by his excellence. In the heart of highlanders, the beloved writer is considered "The writer of the highlander".

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Ma Văn Kháng (2003), *Tuyển tập truyện ngắn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
- [2]. Ma Văn Kháng (2003), *Tuyển tập tiểu thuyết*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
- [3]. Ma Văn Kháng (2002), *Những năm tháng đi và viết*, Diễn đàn văn nghệ Việt Nam, số 12.
- [4]. Ma Văn Kháng (2004), *Sống rồi mới viết* in trong cuốn *Dư luận bạn đọc* (Tập 1), Nxb Hà Nội,
- [5]. Ma Văn Kháng (2001), *Lào Cai - miền đất vàng*, Văn nghệ Lào Cai, số 12.
- [6]. *Lời giới thiệu* tập truyện *Móng vượt thời gian*, Nxb Hội Nhà văn, 2003
- [7]. Thanh Hằng (1998), *Chất liệu và biểu hiện*, Báo Thái Nguyên thứ bảy, 19 tháng 9
- [8] Phóng viên (1990), *Trò chuyện với nhà văn Ma Văn Kháng*, báo Giáo viên nhân dân, số 6 tháng 2.
- [9]. Nguyễn Ngọc Thiện (2004), *Ma Văn Kháng*, Diễn đàn văn nghệ Việt Nam, số 11